

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-4-2022.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Tôn Minh Nhật – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2011/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Yến N, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cạn Vàm A, xã Thạnh Yên, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Hỏa Vàm A, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Lê Thị Yến N:
Luật sư Châu Văn Ấn - Văn phòng Luật sư Phan Thanh Thiệt thuộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang, bào chữa theo yêu cầu của nguyên đơn (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn U, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cạn Vàm A, xã Thạnh Yên, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị Yến N – Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật Châu Văn Ấn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Yến N và anh Trần Văn U (sau đây gọi tắt là chị N, anh U) quen biết do mai mối. Sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào tháng 6/2015. Sau khi cưới vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh U có tính gia trưởng, quản lý tiền bạc trong gia đình, tiêu xài phung phí và khi hết tiền thì anh U nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị N. Nhiều lần anh U dùng lời chửi xúc phạm đến cha mẹ chị N. Chị N nhiều lần khuyên anh U sửa đổi nhưng anh không thay đổi, nên vợ chồng tự ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị N yêu cầu ly hôn với anh U.

Về con chung: Chị N, anh U có 02 người con chung tên Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 31/5/2017 và Trần Minh Quý, sinh ngày 09/02/2016 (hiện 02 con đang sống với anh U). Vợ chồng ly hôn chị N giao 02 con chung Như Ý và Minh Quý cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N, anh U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2022 của bị đơn anh Trần Trần U trình bày: Về hôn nhân vợ chồng anh U, chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Yên, huyện U Minh thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/6/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, thường cự cãi trong việc làm ăn kinh tế gia đình. Anh U thường đi bán bánh mì khi về nhà chị N không có nấu cơm ăn, dẫn đến vợ chồng cự cãi, không có tiếng nói chung và tự quản lý tài sản riêng. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, nên tự ly thân từ tháng 5/2021 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng anh U, chị N có 02 người con chung tên Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 31/5/2017 và Trần Minh Quý, sinh ngày 09/02/2016 (hiện 02 con đang sống với anh U). Khi ly hôn chị N giao 02 con chung Như Ý và Minh Quý cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con, anh U đồng ý.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh U, chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung anh U thống nhất theo đơn khởi kiện của chị N, anh U không ý kiến.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn xin xác nhận nơi cư trú của anh Trần Văn U, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của các con (bản sao có chứng thực) và đơn yêu cầu không mở phiên họp kiểm tra, chứng cứ và hòa giải ngày 31/3/2022.

Bị đơn cung cấp: Đơn đề nghị xin vắng mặt đề ngày 21/3/2022.

Tài liệu Tòa án thu thập: Biên bản về việc anh Trần Văn U bỏ ra về trong khi đang hòa giải ngày 17/11/2021; biên bản về việc đương sự vắng mặt ngày 09/02/2022; biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/3/2022; biên bản lấy lời khai cùng ngày 24/3/2022 của anh Trần Văn U, của bà Ngô Thị Bé Năm (mẹ anh U).

Tại phiên tòa:

- Luật sư Châu Văn Ân trình bày: Về hôn nhân yêu cầu HĐXX cho chị N được ly hôn với anh U.

Về con chung giao 02 con chung cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung Trần Ngọc Như Ý, Trần Minh Quý mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- Nguyên đơn chị N thống nhất với lời trình bày của Luật sư Ân không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể, về hôn nhân cho chị N được ly hôn với anh U.

Về con chung giao 02 con chung Trần Ngọc Như Ý, Trần Minh Quý cho anh Út trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 20/4/2022.

Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên miễn xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn U.

[2]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh U là hợp pháp. Tại phiên tòa chị N trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân chính là do trong việc làm ăn kinh tế gia đình, anh U tự quản lý tài sản riêng, tiêu xài phung phí, vợ chồng không có tiếng nói chung nên tự ly thân từ tháng 5/2021 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2022 và đơn đề nghị vắng mặt ngày 21/3/2022 của anh U trình bày: Anh U đã nhận đầy đủ các văn bản của Tòa án, nguyên nhân anh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là do sợ gặp chị N sẽ ẩu đả tại Tòa án, cũng như phiên hòa giải ngày 17/11/2021 trong lúc viết bản tự khai có cự cãi với chị N, anh U tự bỏ ra về vì không kiềm chế được bản thân. Chị N yêu cầu ly hôn anh U không đồng ý, vì còn thương vợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2022 của bà Ngô Thị Bé Năm (mẹ anh U) trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chị N, anh U về bên nhà bà Năm sinh sống, sau đó vợ chồng chị N, anh U có thuê nhà ở gần nhà bà Năm để bán bánh mì. Đến tháng 5/2021 vợ chồng chị N, anh U xảy ra cự cãi trong việc làm ăn kinh tế, nên anh U tự quản lý tài sản riêng. Chị N bỏ nhà đi từ tháng 5/2021 đến nay. Bà Năm biết việc chị N nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh U, theo ý kiến bà Năm thì bà đồng ý cho anh U ly hôn với chị N.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh U không còn.

Mặc khác, vợ chồng chị N, anh U đã ly thân từ tháng 5/2021 đến nay đã gần 01 năm, cả hai không có liên lạc, không có phương cách hàn gắn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị N được ly hôn với anh U.

[3]. Về con chung: Chị N, anh U có 02 người con chung Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 31/5/2017 và Trần Minh Quý, sinh ngày 09/02/2016. Vợ chồng ly hôn chị N giao 02 con chung cho anh U nuôi, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung Như Ý và Minh Quý mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. HĐXX nhận thấy hiện 02 con anh U đang nuôi dưỡng, được chăm sóc, phát triển tốt và 02 cháu cũng thích nghi với môi trường sống bên gia đình anh U, cũng phù hợp với nguyên vọng của anh U, của bà Ngô Thị Bé Năm (mẹ anh U), nên HĐXX thống nhất giao 02 con chung cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N cấp dưỡng nuôi hai con chung Trần Ngọc Như Ý và Trần Minh Quý mỗi tháng 1.500.000đ/02con/tháng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 20/4/2022 cho đến khi các cháu Trần Ngọc Như Ý và Trần Minh Quý đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Chị N, anh U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Chị N, anh U xác định không có nợ ai và không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị Yên N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003018 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Chị N còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bị đơn anh U không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Yến N với anh Trần Văn U.

2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 31/5/2017 và Trần Minh Quý, sinh ngày 09/02/2016 (hiện các con đang sống với anh U) cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N cấp dưỡng nuôi hai con chung Trần Ngọc Như Ý và Trần Minh Quý mỗi tháng 1.500.000đ/02con/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 20/4/2022 cho đến khi các cháu Trần Ngọc Như Ý và Trần Minh Quý đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Yến N có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N, anh U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Chị N, anh U xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Yến N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003018 ngày

28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Chị N còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng